

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

**HÀNH ĐỘNG NGÔN TỪ BIỂU CẢM THỰC HIỆN
BỞI BIỂU THỨC KẾT CẤU HỎI CHỨA TỪ HỎI
(TRÊN TỰ LIỆU KỊCH BẢN PHIM TRUYỀN HÌNH HÀN QUỐC)
EXPRESSIVE ACTION CARRIED OUT BY QUESTION STRUCTURE
EXPRESSION CONTAINING QUESTION WORDS (ON KOREAN TV DRAMA
SCENARIO DOCUMENTATION)**

HOÀNG THỊ YẾN

(TS; Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)

Abstract: Expressive actions carried out by question structure expressions containing question words appear in documentation including: criticism, affirmation/ negation, advice/ remind/ warning, surprise/ anger, etc. In fact, the number of sub-categories in expressive actions is hardly identified. This results from levels of diversity in scope and degree of humans' emotional levels corresponding to outside influence, and particular traits of relations among communicators in conversations. The acceptance and response of listeners when communicating, elements of language use and exclamation greatly influence the implementation of expressive actions of question structure expressions containing question words.

Key words: indirect structure expressions; expressive structure expressions; question structure expression containing question words; Korean TV dramas.

Mở đầu

Trên cơ sở kế thừa thành tựu nghiên cứu về câu hỏi trong tiếng Hàn (tiêu biểu là Park Young Soon (2001), Nam Gi Sim và Ko Young Geun (1985), Lee Ik Seup và Chae Wan (2005)...) và tiếng Việt (tiêu biểu là Nguyễn Kim Thân (1964), Hoàng Trọng Phiến (1980), Cao Xuân Hạo (1991)...), có thể đưa ra một định nghĩa chung về câu hỏi cho tiếng Hàn và tiếng Việt như sau: *Câu hỏi (hay câu nghi vấn) là loại câu có một hoặc cả ba dấu hiệu hình thức nghi vấn (ngữ điệu hỏi, từ hỏi, đuôi câu hỏi). Người nói sử dụng câu hỏi để thể hiện mong muốn người nghe làm sáng tỏ hoặc xác nhận điều mình chưa biết, chưa rõ. Ngoài ra, câu hỏi cũng được dùng để chuyển tải những giá trị ngôn ngữ khác ngoài yêu cầu cung cấp thông tin đáp ứng nhu cầu nhận thức.*

Như vậy, điều kiện để hình thành câu hỏi là: (1) Người nói có "sự hoài nghi", "cái chưa rõ, chưa biết"; (2) Người nói "muốn" được người nghe làm sáng tỏ điều chưa biết/ xác nhận điều chưa chắc chắn; (3) Người nói sử dụng đuôi câu hỏi và/ hoặc từ hỏi và/ hoặc ngữ điệu hỏi; (4) Mục đích của câu hỏi hướng tới yêu cầu thông báo, cung cấp thông tin và chuyển tải những giá trị ngôn ngữ khác¹.

Bài viết phân tích hành động biểu cảm thực hiện bởi biểu thức kết cấu hỏi có từ hỏi

¹ Cao Xuân Hạo (1991, tr.95): ngoài giá trị hỏi, câu hỏi còn "có thể có một (những) giá trị ngôn ngữ khác (phủ định, khẳng định, tỏ ý ngờ vực, thách thức, tranh luận, v.v.) và trong nhiều trường hợp, cái giá trị ngôn ngữ "phái sinh" này lại là công dụng và mục đích duy nhất của câu nói, trong khi tính chất nghi vấn chỉ còn là một hình thức thuần túy, may ra chỉ góp một sắc thái tu từ nào đó cho câu nói".

dựa vào nguồn tư liệu tiếng Hàn (kịch bản phim truyền hình). Vì thế, chúng tôi sử dụng thuật ngữ “*biểu thức hỏi*” nhằm đáp ứng yêu cầu của một nghiên cứu ngữ dụng.

1. Một số khái niệm tiền đề

1.1. Hành động ngôn từ gián tiếp

Thuật ngữ “*indirect speech act*” do Searle đặt ra: Một HVTL (hành vi tại lời) được thực hiện gián tiếp qua một HVTL khác sẽ được gọi là HVGT (hành vi gián tiếp) [2, tr.59-60]. Theo Đỗ Hữu Châu (2005, tr.495-497), các hành động ngôn từ gián tiếp có đặc điểm sau: (1) Lệ thuộc mạnh vào ngữ cảnh; (2) Có một (hoặc một số) biểu thức ngữ vi đặc trưng; (3) Dấu hiệu hình thức của hành động ngôn từ gián tiếp là phát ngôn ngữ vi của hành vi trực tiếp; (4) Hành động ngôn từ gián tiếp bị qui định bởi thuyết lập luận, các phương châm hội thoại, phép lịch sự...².

1.2. Biểu thức kết cấu hỏi và hành động ngôn ngữ

Căn cứ vào độ cao thấp của tính nghi vấn, chúng tôi đã phân biểu thức kết cấu hỏi thành 3 nhóm: (1) Nhóm biểu thức hỏi thực hiện hành động hỏi yêu cầu cung cấp thông tin; (2) Nhóm biểu thức thực hiện hành động cầu khiến; (3) Nhóm biểu thức thực hiện hành động biểu cảm.

a. Nhóm biểu thức kết cấu hỏi thực hiện hành động hỏi trực tiếp

Nhóm biểu thức hỏi 질문화행표현-*biểu thức ngôn hành hỏi* hay 인식질문표현-*biểu thức hỏi nhận thức* được xác lập dựa trên sự phân biệt về cách thức yêu cầu đáp ứng nhu cầu nhận thức (trên lập trường của người yêu cầu cung cấp thông tin) hay cách thức thỏa mãn nhu cầu nhận thức (trên lập trường của người được yêu cầu cung cấp thông tin), gồm các tiểu loại sau:

- Biểu thức hỏi phán định: thực hiện hành động hỏi yêu cầu phán định về thông tin cần biết chưa biết, ví dụ:

카페에가본적이있으세요? *Anh đến quán cà phê bao giờ chưa?*

- Biểu thức hỏi giải thích: thực hiện hành động hỏi yêu cầu cung cấp thông tin với tiêu điểm nghi vấn là từ hỏi, ví dụ:

한국의봄날씨는어때요? *Thời tiết mùa xuân Hàn Quốc thế nào?*

- Biểu thức hỏi lựa chọn: thực hiện hành động hỏi yêu cầu chọn đối tượng thích hợp trong nhiều đối tượng được đưa ra, ví dụ:

한국영화를좋아해요?미국영화를좋아해요? *Bạn thích phim Hàn Quốc? (Hay) thích phim Mỹ?*

- Biểu thức hỏi xác nhận: thực hiện hành động hỏi yêu cầu xác nhận thông tin chưa rõ/ chưa chắc chắn cần làm rõ, ví dụ:

누나혼자있는거맞지? *Chị đang ở một mình phải không?*

b. Nhóm biểu thức kết cấu hỏi thực hiện hành động cầu khiến

Hành động ngôn từ có phương tiện ngôn ngữ là nhóm biểu thức hỏi này hướng tới việc yêu cầu người nghe thực hiện một hành động nào đó (요청의문표현- *biểu thức hỏi cầu khiến*), có 3 tiểu loại:

- Biểu thức kết cấu hỏi thực hiện hành động ra lệnh 명령의문표현, ví dụ:

빨리먹지못했니? *Không ăn nhanh lên được à? =빨리먹어라. Ăn nhanh lên.*

- Biểu thức kết cấu hỏi thực hiện hành động nhờ vả-부탁의문표현, ví dụ:

한국어를좀가르쳐줄수있어요? *Chị có thể dạy tôi tiếng Hàn không?*

- Biểu thức kết cấu hỏi thực hiện hành động đề nghị 제안의문표현, ví dụ:

우리점심을먹을까? *Mình ăn trưa chứ?*

c. Nhóm biểu thức kết cấu hỏi thực hiện hành động biểu cảm

²Chúng tôi dẫn theo thuật ngữ tác giả sử dụng: biểu thức ngữ vi là cách dịch khác của “performative expression), hành vi ngôn ngữ là cách dịch khác của “speech act”.

Tiểu nhóm này là *biểu thức hỏi biểu cảm*. Đây là tiểu nhóm có sự phân hóa về sắc thái ý nghĩa và tình cảm tinh tế và phong phú nhất, có thể đưa ra một số tiểu loại sau [6; 12]:

- Biểu thức hỏi thực hiện hành động phê phán 비판의문표현, ví dụ:

왜이렇게아빠말안들어? *Sao con lại không vâng lời bố thế này?*

- Biểu thức hỏi thực hiện hành động ca thán 한탄의문표현, ví dụ:

세상에갈수록왜이렇게험악해져? *Sao cuộc đời ngày càng hiểm ác thế này?*

-Biểu thức hỏi thực hiện hành động nhấn mạnh 강조의문표현, ví dụ:

그건뭐쉬운줄알어? *Cô tưởng việc đó dễ lắm à? ...*

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi xem xét đặc điểm hành động biểu cảm của biểu thức kết cấu hỏi chứa từ hỏi trong tiếng Hàn.

2. Hành động ngôn từ gián tiếp biểu cảm thực hiện bởi kết cấu hỏi có từ hỏi

Ngoài chức năng thực hiện hành động hỏi và hành động cầu khiến, câu hỏi nói chung và biểu thức kết cấu hỏi có từ hỏi nói riêng còn được dùng để thể hiện tình cảm, thái độ, quan điểm của người nói về sự vật hiện tượng liên quan. Hành động biểu cảm xuất hiện trong kết quả khảo sát tư liệu là vô cùng phong phú: *phê phán/ chê bai/ trách móc, nhấn mạnh khẳng định/ phủ định, bác bỏ/ từ chối, ca thán/ than thở/cảm thán, khuyên nhủ/ nhắc nhở, giận dữ, ngạc nhiên, hối hận, thương hại v.v...* Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi chỉ có thể phân tích một vài trường hợp với mong muốn phần nào khám phá được sức mạnh tiềm tàng của ngôn từ trong hoạt động tương tác.

2.1. Hành động thể hiện thái độ phê phán

Hành động phê phán thực hiện bởi biểu thức kết cấu hỏi có từ hỏi, xuất hiện trong ngữ liệu hội thoại với các cấp độ khác nhau:

(1) Lên án các tội ác, hành vi trái đạo lý; (2) Phê phán, phê bình các lỗi lầm, sơ xuất; (3) Trách móc/ chê bai hoặc dè bieu nhược điểm nhằm hạ thấp, làm mất thể diện của đối tượng giao tiếp v.v...

*Đoạn thoại 1: In seo đang xem ti vi, Kyoungseo khoác thêm áo khoác đi ra

Inseo: 어디가?- *Chị đi đâu đấy?*

Kyoungseo: 감독이좀보재. 아버지진주무시지?-

Đạo diễn hẹn gặp. Bố ngủ à?

Inseo: 응, 불꺼졌잖아-*Ừ, tắt điện mà.*

Kyoungseo: 갔다올게- *Chị đi đây.*

Inseo: 머리라도좀빚고나가지. 꼴이그게뭐야?

Chài đầu rồi hãy đi. Bộ đang gì thế kia?

[Dẫn liệu 1, tập 1]

2.2. Hành động thể hiện sự nhấn mạnh phủ định/ khẳng định

Hành động phủ định hay khẳng định thực hiện bởi biểu thức kết cấu hỏi có từ hỏi xuất hiện trong ngữ liệu khá phong phú. Người nói dùng biểu thức kết cấu hỏi có từ hỏi để khẳng định hay phủ định điều gì đó một cách mạnh mẽ hơn.

*Đoạn thoại 2:

Hyeran: 나엄 마생각처럼그렇지않아. 나도성준땀에. *Con không như mẹ nghĩ đâu. Con cũng vì Seung jun mà.*

Sunim: 알아. 니가성준이생각하는맘. 내가모르가알겠어? *Biết rồi. Tâm lòng của con nghĩ cho Seung jun, Mẹ không biết thì ai biết đây?*

[Dẫn liệu 1, tập 13]

Biểu thức khẳng định thể hiện sắc thái tường minh và nhấn mạnh hơn phát ngôn: “*Mẹ biết*” hay “*Mẹ rất biết*”. Với đoạn thoại dưới đây, sắc thái phủ định cũng thuyết phục hơn phát ngôn “*Không được*” hay “*Chưa được mà*”.

*Đoạn thoại 3: Kyoungseo từ trên xe Dongju bước xuống. Dongju vội xuống đỡ.

Kyoung seo: 됐어요. 이제그만가보세요. *Được rồi. Giờ anh về đi.*

Dong ju:

되긴 뭐가 돼요? 제대로 서있지도 못하면서.

Được gì mà được? Cô còn không đứng vững mà. (Bằng chứng ngoại tình, tập 12).

2.3. Hành động thể hiện thái độ bác bỏ/ từ chối

Hành động thể hiện thái độ bác bỏ/ từ chối hướng tới phủ định quan điểm hay đề nghị của người nói.

**Đoạn thoại 4:* Kyoungseo đang nói chuyện điện thoại với đạo diễn Dong ju, Jae yong ở bên.

Kyoungseo: ... 인터뷰요? 나도 꼭 해야 되요? 그냥 감독님 혼자 하면 안 돼요?...

Phòng vấn à? Nhất định tôi phải tham dự à?

Mình đạo diễn trả lời phỏng vấn được không?

Jaeyong: 해. Đi đi.

Kyoungseo:

근데 지금 바로 준비하고 나가서 열시는 넘을 거예요. 네. 네. Nhưng giờ chuẩn bị đi cũng phải hơn mười giờ. Vâng, vâng.

Jaeyong: 작가가 할 일은 작가가 해야지. 왜 다 감독님한테 떠넘기려고 그래? Việc của biên kịch thì biên kịch phải làm. Sao cứ đẩy sang cho đạo diễn thế?

Kyoungseo: 작가가 대본이나 열심히 쓰면 되지. 무슨 인터뷰까지 해? Biên kịch thì chỉ cần tập trung viết kịch bản là được. Sao phải phỏng vấn gì chứ? [Dẫn liệu 1, tập 30]

Kyoungseo bác bỏ ý kiến của Jaeyong về trách nhiệm của nhà biên kịch. Theo cô thì biên kịch chỉ cần viết kịch bản tốt là đủ.

2.4. Hành động biểu thị sự cảm thán

Hành động biểu thị sự cảm thán có các mức độ từ thấp đến cao như: Than thở, cảm thán, ca thán. Hành động ngôn từ này thường biểu đạt ý nghĩa không hài lòng về người khác hoặc bản thân; nó cũng mang ý nghĩa tích cực khi thể hiện sự thán phục, kinh ngạc trước những điều tốt đẹp hay khác thường.

**Đoạn thoại 5:* Nhà Hyeran, Sunim đứng trước cầu thang hương lên tầng 2, gọi lớn.

Sunim: 아가씨, 얼른 내려와요. 헤란 이기 다녀요. Cô mau xuống đi, Hyeran đợi.

Youngrim: 저지금 통화중이에요.

언니 조금만 기다리라고 하세요. Em đang nói chuyện điện thoại. Chị bảo nó đợi em chút.

Sunim: 어머. 무슨 통화중이긴 통화중이야? 헤란

이기 다니는 데. 어머. 너무 웃겨. 진짜. Ôi trời.

Điện thoại gì mà điện thoại chứ? Hyeran đang đợi mà. Ôi trời. Thật nực cười. Đứng là. [Dẫn liệu 1, tập 13]

2.5. Hành động khuyên/ nhắc nhở/ cảnh báo

Hành động biểu cảm ở nhóm này phát triển từ mức độ khuyên giải, khuyên nhủ đến nhắc nhở (khi đối phương cố tình hoặc vô tình không làm tốt điều gì). Cảnh báo là giai đoạn cao nhất, thể hiện mức độ trầm trọng của vấn đề, tình huống.

**Đoạn thoại 6:* Ở bệnh viện, Hyeran nằm trên giường bệnh, nói chuyện với Youngrim.

Youngrim: 내일이라도 당장 서울가자. 가서. Ngày mai về Seoul ngay đi. Về đi.

Hyeran: 아니. 이대로는 못가. -Không, thế này cháu không về được.

Youngrim: 니 맘은 알겠는데. 자궁에 생긴 문제는 둘째치고, 마취 자체가 위험하는데, 니 체질이 그렇다는 데 어쩔 거야? -Cô biết tâm trạng của cháu mà. Vấn đề ở tử cung chỉ là thứ hai thôi, thuốc giảm đau đã nguy hiểm rồi, thể chất của cháu lại như thế thì biết làm sao?

Hyeran: 몇 주 더 기다렸다가 윤도분만 하면 돼.

Chỉ cần đợi mấy tuần, nếu cho đứa bé ra là ổn mà

Youngrim: 애가. 너의 사말은 뭘로 들은 거야? 그랬다가 잘못되면 아예 영구불임이 될 수도 있다잖아. Con bé này. Cháu không coi lời của bác sĩ ra gì sao? Nếu không cẩn thận có thể vô sinh mãi mãi đấy. [Dẫn liệu 1, tập 2]

2.6. Hành động thể hiện sự ngạc nhiên/ giận dữ

của con người. Điều này cho chúng ta cơ hội để kiểm nghiệm sự kì diệu của ngôn ngữ trong thực tế giao tiếp: Chỉ với một số lượng đơn vị hạn chế nhưng ngôn ngữ có thể biểu đạt được lượng ý nghĩa, thực hiện được các chức năng khó có thể thống kê.

3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành động biểu cảm của kết cấu hỏi có từ hỏi

Việc phân định và nhận diện hành động ngôn từ gián tiếp phụ thuộc nhiều vào yếu tố ngữ cảnh. Đặc biệt, phản ứng của người nghe trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể đóng vai trò vô cùng quan trọng. Trong hành chức, về nguyên tắc thì một phát ngôn không thể mang cùng lúc hai ý nghĩa, trừ khi người nói sử dụng câu mang nghĩa mơ hồ, đa nghĩa vì mục đích, chiến lược giao tiếp. Bởi người nói đã quyết định ý đồ và mục đích giao tiếp trước khi thực hiện hành động nói. Tuy nhiên, việc nhận diện chính xác hành động ngôn từ đối với người nghe lại là điều không dễ dàng, lại càng khó khăn hơn đối với người học tập và sử dụng ngôn ngữ đó như một ngoại ngữ (hay một ngôn ngữ thứ 2=L2).

3.1. Yếu tố tiếp nhận hành động ngôn từ của người nghe

Việc tiếp nhận, nhận diện và phản ứng lại hành động trao lời của người nghe bằng hành động trao đáp có vai trò quan trọng tạo nên thành công của cuộc tương tác. Nếu người nghe nhận diện hành động ngôn từ không chính xác và có phản ứng không phù hợp sẽ gây khó khăn cho vận động hội thoại và ảnh hưởng tới thành công của giao tiếp. Xét đoạn thoại sau:

**Đoạn thoại 10*: Phòng khách tầng 1 nhà Hyeran, Sunim từ trong phòng đi ra.

Sunim: *이게 무슨 냄새야? Mùi gì thế này?*

Seungjun: *청국장냄새야. Mùi*

Cheonggukjang.

Sunim: *누가청국장냄새를몰라? 아줌마. 아줌마.*

Ai không biết mùi Cheonggukjang chứ? Achuma. Achuma... [Dẫn liệu 1, tập 33]

Seungjun cho là mẹ đang muốn biết đó là mùi gì. Tuy nhiên, ý nghĩa của phát ngôn không phải vậy. Sunim không có nhu cầu nhận thức, phát ngôn của bà hướng đến một hành động ngôn từ gián tiếp khác, ở đây có thể là lời phàn nàn, ca thán. Với kinh nghiệm mấy chục năm làm nghề nội trợ, việc nhận biết thức ăn qua cảm nhận mùi vị với nhân vật Sunim quả thực không thể là một việc khó khăn.

3.2. Các yếu tố tình thái-ngữ dụng khác

Các yếu tố tình thái-ngữ dụng ảnh hưởng trực tiếp đến đích ngôn trung mà phát ngôn hỏi hướng tới. Trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, các thông tin về không gian, thời gian, địa điểm, các biến tố về đặc điểm và quan hệ giữa hai bên giao tiếp... quy định chức năng giao tiếp của câu hỏi và cũng là các dấu hiệu nhận diện hành động ngôn từ, đặc biệt là các hành động ngôn từ gián tiếp mà phát ngôn hướng tới. Ví dụ: *세라: (손가락대며 OL) O! 그렇게O 소리로말하면 어떻게요? Sera: (Giơ ngón tay làm bộ) Suy! Anh nói to thế thì làm sao? [Dẫn liệu 2, tập 14].*

Yếu tố phi lời ở đây là hành động đưa ngón tay lên làm hiệu- thường để lên môi mình. Hành động này đi kèm với phát ngôn hỏi chứa từ hỏi trên, tạo thêm sức mạnh cho hành động cầu khiến ra lệnh: *Nói khẽ thôi!*

Với hành động ngôn từ gián tiếp, ngữ cảnh được tạo bởi các phát ngôn đi kèm hay các biểu thức liên kế đóng vai trò quan trọng. Thậm chí các từ/ ngữ đi kèm cũng có ảnh hưởng lớn đến sắc thái biểu cảm của phát ngôn. Ví dụ:

진짜, 지도않은배우이름은왜꺼내요? Thật là, sao lại nhắc đến tên một diễn viên chẳng ra gì thế? [Dẫn liệu 1, tập 12].

Hay: *에가.너의사말은뭘로틀은거야?*

-Con bé này, cháu không coi lời bác sĩ ra gì sao?/ cháu coi lời bác sĩ nói là gì nào? [Dẫn liệu 1, tập 2].

Để có thể nhận diện chính xác, phản ứng hỏi đáp phù hợp với các hành động ngôn từ gián tiếp được thực hiện bởi các biểu thức kết cấu hỏi có từ hỏi, người tham gia giao tiếp không thể bỏ qua các thông tin ngữ dụng - tình thái gắn với ngữ cảnh giao tiếp cụ thể.

Kết luận

Chức năng giao tiếp của biểu thức kết cấu hỏi có từ hỏi mang những đặc trưng chung của biểu thức kết cấu hỏi. Ngoài thực hiện hành động hỏi yêu cầu cung cấp thông tin nhằm thỏa mãn nhu cầu hiểu biết về thế giới, nó còn hướng tới thực hiện hành động cầu khiến và hành động biểu cảm.

Do đặc trưng về cấu trúc-hình thái, biểu thức kết cấu hỏi chứa từ hỏi có khả năng biểu cảm phong phú. Hành động biểu cảm thể hiện ở nhiều dạng thái, cấp độ: Phê phán, nhấn mạnh khẳng định/ phủ định, khuyên/nhắc nhở/ cảnh báo, thể hiện ngạc nhiên/giận dữ... Số lượng của các tiểu loại biểu thức kết cấu hỏi có từ hỏi thực hiện chức năng biểu cảm rất khó xác định bởi mức độ đa dạng về phạm vi và cấp độ của các cung bậc tình cảm của con người trước tác động của thế giới, trong quan hệ tương tác ngôn ngữ.

Các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện hành động ngôn từ gián tiếp của biểu thức kết cấu hỏi có từ hỏi là: i) Sự tiếp nhận và phản ứng của người nghe trước hành động nói của đối tượng giao tiếp; ii) Các yếu tố ngữ dụng-tình thái như các yếu tố kèm lời, phi lời; các từ ngữ hay phát ngôn đi kèm, các biểu thức gắn kê...

TÀI LIỆU THAM KHẢO, TRÍCH DẪN Tiếng Việt

1. Đỗ Hữu Châu (2005), *Đỗ Hữu Châu tuyển tập, tập 2: Đại cương-Ngữ dụng học-Ngữ pháp văn bản*, Nxb Giáo dục.

2. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, tập 1, Nxb Giáo dục, HN.

3. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt-sơ thảo ngữ pháp chức năng 1*, Nxb KHXH.

4. Lê Thị Thu Hoài (2011), *Chức năng thực hiện các hành vi ngôn ngữ tại lời gián tiếp của câu hỏi tu từ*. Ngôn ngữ Số 11 (2011). - tr.: 67 - 80.

5. Hoàng Trọng Phiến (1980), *Ngữ pháp tiếng Việt-câu*, Nxb ĐH & THCN.

6. Nguyễn Đăng Sừ (2010), *Đặc điểm của câu hỏi tiếng Anh đối chiếu với tiếng Việt*, Nxb KHXH.

7. Nguyễn Kim Thành (1964), *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*, t.2, Nxb KHXH.

8. Hoàng Thị Yên (2011), *Về một số khái niệm liên quan đến câu hỏi và hành động hỏi trong tiếng Việt*, T/c Từ điển học và Bách khoa thư, số 6/2011, tr.100-110.

9. Hoàng Thị Yên (2013), *Mối quan hệ giữa tính nghi vấn và hành động ngôn ngữ trong câu hỏi*, Ngôn ngữ, số 6/2013, tr.42-54.

Tiếng Hàn

10. Lee Ik Seup và Chae Wan (2005), *Bài giảng ngữ pháp luận tiếng Hàn*, Nxb Hakyeonsa. 이익섭. 채완공저 (2005), 국어문법론강의. 학연사.

11. Nam Gi Sim và Ko Young Geun (1985), *Ngữ pháp luận tiếng Hàn chuẩn*, Nxb Tapchulpansa. 남기심.고영근(1985) 표준국어문법론, 탑출판사

12. Park Young Soon (2001), *Ngữ nghĩa luận câu tiếng Hàn*, Nxb Park Ui Jung. 박영순 (2001) 한국어문장의미론, 박이정

13. Hoàng Thị Yên (2009), *Hành vi cầu khiến trong câu hỏi tiếng Hàn (có so sánh với tiếng Việt)*, Hội thảo quốc tế: Nghiên cứu và giảng dạy Hàn Quốc học ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, ĐHNN- ĐHQGHN, Kỉ yếu tr 553-565, Nxb Văn hóa Thông tin, 2009 (tiếng Hàn).

NGỮ LIỆU

[1] *Bằng chứng ngoại tình.*

[2] *Mối nhân duyên.*